



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**

## BẢN TIN THAN NGÀY

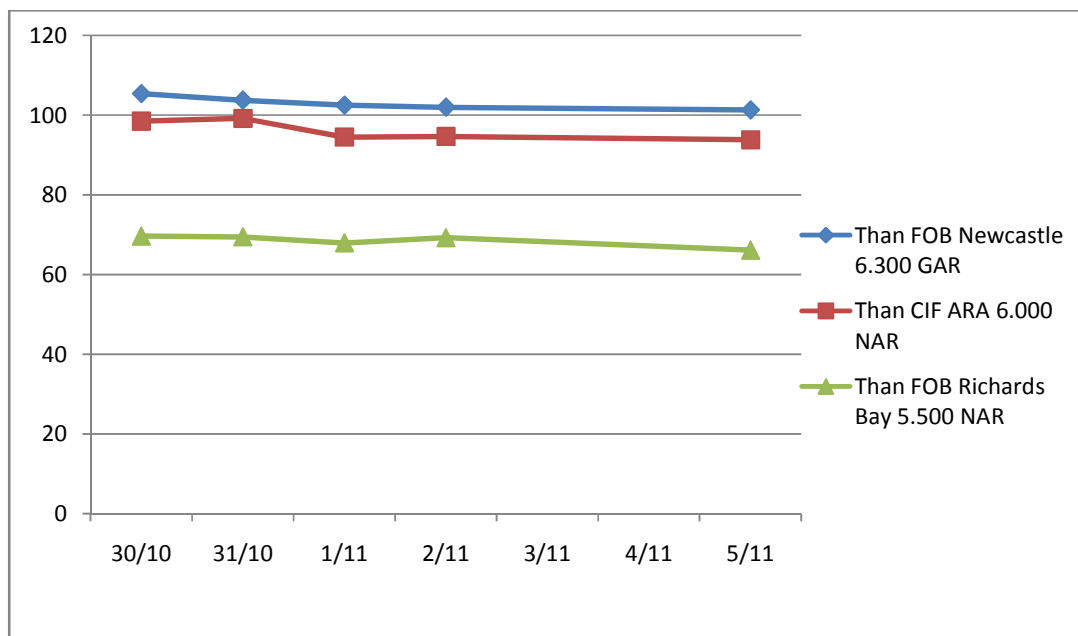
Ngày 13/11/2018

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	101,30	-0,70	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	93,80	-0,80	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	66,10	-3,15	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,95	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	51,50	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	43,90	+0,15	302,98	+2,54
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	59,75	+0,00	412,36	+2,05
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	76,50	+0,00	527,96	+2,62

### GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 05/11/2018)

## **ĐIỂM TIN**

### **Xuất khẩu than từ khu vực Bắc Queensland tăng nhẹ trong tháng 10**

Theo dữ liệu từ Tổng công ty Cảng Bắc Queensland (NQBP) phát hành thứ 4 tuần trước, xuất khẩu than của khu vực trong tháng 10 tăng nhẹ so với tháng 9 và đang trên đà đạt sản lượng kỷ lục trong cả năm 2018. Tổng cộng 12,59 triệu tấn than đã được xuất đi trong tháng 10 từ Queensland, thông qua cảng Abbot Point của Adani, vịnh Dalrymple và cảng Hay Point thuộc sở hữu của BHP Mitsubishi Alliance. Con số này cao hơn 6% so với cùng kỳ năm ngoái với 11,90 triệu tấn và tăng 2% so với 12,39 triệu tấn trong tháng 9, theo số liệu của NQBP. Từ tháng 1 đến tháng 10, ba cảng này đã xuất đi 123,18 triệu tấn than, tương ứng với mức 147,80 triệu tấn cả năm. Nếu tiếp tục đà này trong hai tháng cuối năm 2018, đây sẽ là một năm kỷ lục với Bắc Queensland, vượt qua 144,19 triệu tấn trong năm 2016 và 134,85 triệu tấn trong năm 2017. Các cảng này có tổng công suất 190 triệu tấn/năm.

Văn phòng Kinh tế của Australia trong tháng trước cho biết tổng lượng than luyện kim xuất khẩu của nước này dự kiến sẽ đạt 180 triệu tấn, tăng từ 173 triệu tấn trong năm 2017 và dự báo sẽ tăng lên 198 triệu tấn năm 2019 và 199 triệu tấn vào năm 2020. Đại diện của Văn phòng cũng cho biết: "Một số mỏ hiện đang không hoạt động cũng được dự kiến sẽ khởi động lại trong giai đoạn tới, bao gồm cả các mỏ Sojitz mua lại gần đây là Gregory Crinum, Baralaba, và Bounty Mining's Cook, tất cả đều nằm ở khu vực Bowen". Ngoài ra mỏ Byerwen mới của QCoal và mỏ Isaac Plains East của Stanmore đều tăng cường sản xuất, cũng như các mỏ của Anglo American và BHP được mở rộng và tăng năng suất cũng được kỳ vọng sẽ thúc đẩy sản lượng trong thời gian tới. Dự án Olive Downs của Pembroke Resource cũng kỳ vọng sẽ sản xuất những tấn than đầu tiên trong nửa cuối năm 2020.

### **Sản lượng than khai thác của Ba Lan trong chín tháng đầu năm giảm 3% so với cùng kỳ năm trước**

Sản lượng than cứng được khai thác và than thương phẩm của Ba Lan trong chín tháng đầu năm đã giảm lần lượt 3% và 5% so với năm ngoái xuống còn 47,3 triệu tấn và 46,9 triệu tấn, theo dữ liệu được đưa ra bởi Cơ quan Phát triển Công nghiệp (ARP) vào thứ 2 (5/11). Sản lượng than khai thác trong chín tháng đầu năm sụt giảm do sản lượng than trong tháng 9 đã xuống mức thấp nhất từ trước đến nay. Sản lượng trong tháng 9 năm nay đạt 4,89 triệu tấn, thấp hơn mức thấp nhất từng được ghi nhận trước đó trong tháng 12 năm 2017 với 4,995 triệu tấn, thấp hơn 12% so với tháng 9 năm ngoái, và 9% so với tháng 8. Trong năm 2016, Ba Lan đã từng sản xuất trung bình hơn 6 triệu tấn than/tháng. Sản lượng than thương phẩm trong tháng 9 đạt 4,987 triệu tấn, giảm 7% so với cùng kỳ năm ngoái cũng như so với tháng 8. Sản lượng than thương phẩm trong tháng 9 cao hơn khối lượng than được sản xuất, tương tự với tình hình hai tháng trước, do khách hàng chuẩn bị tích trữ than để sưởi ấm. Đây là nguyên nhân khiến lượng than cứng dự trữ tại các mỏ của Ba Lan đạt 1,9 triệu tấn tính đến cuối tháng 9, giảm 9,5% so với tháng 8. Giá than Ba Lan trung bình được sử dụng cho sản xuất điện trong tháng 9 đạt 245,38 Złoty/tấn (64,94 USD/tấn), giảm 1,2% so với tháng 8, trong khi giá than sử dụng để sưởi ấm trung bình đạt 309,50 Złoty/tấn, tăng 2,6% so với tháng 8.

### **Khối lượng than Indonesia bán ra trong nước đến cuối tháng 10 đạt 74% mục tiêu cả năm**

Các công ty khai thác than Indonesia đã hoàn thành 74%, tương đương 90,25 triệu tấn than của mục tiêu cung cấp 121,25 triệu tấn than trong nước cả năm nay theo kế hoạch thực hiện nghĩa vụ thị trường nội địa của chính phủ (DMO). Lượng than này sẽ được cung cấp cho các nhà máy điện than trong nước (PLTU) và các ngành công nghiệp chiến lược khác như các nhà máy sản xuất xi măng. Theo kế hoạch này, các công ty khai thác than được yêu cầu bán 25% tổng sản lượng của họ cho các khách hàng trong nước với giá 70 USD/tấn.

Trong hôm thứ 2, Bộ trưởng Tài nguyên và Khoáng sản, ông Bambang Gatot Ariyono đã nhắc nhở các nhà khai thác than rằng các biện pháp trừng phạt đối với những đơn vị không hoàn thành nghĩa vụ theo DMO vẫn được duy trì. Tuyên bố của ông được đưa ra một tháng trước khi chính phủ họp bàn để quyết định các chương trình hành động cho ngành công nghiệp khoáng sản, than và ngân

sách (RKAB), bao gồm sản lượng than và khoáng sản mục tiêu cho năm 2019. Chính phủ cũng sẽ xem xét lại các mục tiêu của năm nay. Sản lượng than của Indonesia trong năm nay được dự báo sẽ đạt 485 triệu tấn. Do đó, sản lượng than dành cho kế hoạch DMO được đặt ở mức 121,25 triệu tấn, 92 triệu tấn trong số đó là dành cho công ty điện PLN của nhà nước, trong khi phần còn lại được phân bổ cho các ngành khác.

(Nguồn: [www.platts.com](http://www.platts.com))

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	10,25	-0,35
	Queensland	Nhật Bản	11,85	-0,35
	New South Wales	Hàn Quốc	12,70	-0,35
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	14,45	+0,45
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	10,00	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,70	+0,45
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,35	+0,00
	Australia	Trung Quốc	13,50	-0,10
	Australia	Ấn Độ	15,20	-0,10

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 5/11/2018)